

Bản án số: 308/2023/HS-ST

Ngày: 25/07/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Nguyễn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 255/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Ngọc G, sinh năm 1954; Nơi thường trú: Phòng X, chung cư TY1, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Luật sư; Trình độ học vấn: 10/10; Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Luật; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là Hoàng Văn G (Đã chết); Mẹ là Nguyễn Thị H (Đã chết); Vợ là Nguyễn Thị HL; Có 02 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1979; Nơi thường trú: số X, ngõ Y NH, phường NH, quận BD, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là Phạm Văn T và mẹ là Bùi Thị K; Chồng là Nguyễn Duy V; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 16/12/2022 đến ngày 22/12/2022. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc G:

1. Luật sư Nguyễn Duy Nguyên - Công ty luật TNHH Hoàng Giao - Duy Nguyên – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Luật sư Bùi Trung Kiên – Công ty Luật TNHH Duy Ích – Đoàn Luật sư

tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị Ngọc, sinh năm 1959, Nơi thường trú: Số 201 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 22 hẻm 6/30/2 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Hoàng Việt Phước, sinh năm 1980; Nơi thường trú: Phòng 506, chung cư Trung Yên 1, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Những người được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Hưng - Giám định viên. Cơ quan công tác: Cục Thuế thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội nhận được Công văn số 61980/CTHN-TTKT10 của Cục Thuế thành phố Hà Nội phản ánh nội dung Viện nghiên cứu chính sách, pháp luật và phát triển (Viết tắt là Viện PLD; MST: 0105651577; Địa chỉ: P802 tầng 8, nhà B trường Đại học Công Đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội) có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế. Cục Thuế thành phố Hà Nội đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội xác minh, làm rõ hành vi có dấu hiệu trốn thuế xảy ra tại Viện PLD.

Quá trình điều tra xác định:

Năm 2005, bị cáo Hoàng Ngọc G là cán bộ của Trường đại học QGHN thành lập một tổ chức phi chính phủ nhằm mục đích nhận tiền tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để nghiên cứu chính sách và pháp luật nên đã bàn với ông Hoàng Nguyên B và một số người khác về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu, tư vấn chính sách pháp luật và phát triển (gọi tắt là Trung tâm PLD).

Ngày 27/12/2005, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) có Quyết định số 1495/QĐ-LHH về việc thành lập Trung tâm PLD; Quyết định số 1498 về việc bổ nhiệm ông Hoàng Nguyên B là Giám đốc Trung tâm PLD. Năm 2007, Hoàng Ngọc G mời ông Đỗ Ngọc Q về làm việc tại Trung tâm PLD và làm thủ tục đề nghị đổi tên Trung tâm PLD thành Viện PLD. Ngày 18/12/2007, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam có Quyết định số 1758 về việc đổi tên Trung tâm PLD thành Viện PLD; Quyết định số 1761 về việc bổ nhiệm ông Đỗ Ngọc Q giữ chức Viện trưởng Viện PLD. Năm 2009, sau khi nghỉ hưu tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội, bị cáo Hoàng Ngọc G chính thức tham gia vào hoạt động của Viện PLD.

Ngày 5/5/2009, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam có Quyết định số 629 về việc bổ nhiệm Hoàng Ngọc G giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện PLD, ngày 20/5/2009 ông Đỗ Ngọc Q ký Quyết định số 04/QĐ-PLD việc ủy quyền cho Hoàng Ngọc G thực hiện các nhiệm vụ của Viện trưởng. Ngày

25/02/2011, Hoàng Ngọc G được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam ký Quyết định bổ nhiệm là Viện trưởng Viện PLD và giữ chức vụ này từ đó cho đến khi bị phát hiện bắt giữ. Năm 2019, Viện PLD chuyển trụ sở về địa chỉ: Khu văn phòng Hồng Hà, ngõ 109 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Về kế toán của Viện PLD (*trước là Trung tâm PLD*) các giai đoạn gồm:
- Bà Cao Thị Đức V: Từ ngày 20/01/2006 đến ngày 01/6/2007.
- Chị Nguyễn Thị Khánh C: Từ ngày 01/6/2007 đến ngày 25/02/2010.
- Bà Trịnh Thị N: Từ tháng 09/2009 đến tháng 02/2010.
- Bị cáo Phạm Thị Thùy D: Từ ngày 25/02/2010 đến khi bị phát hiện và bắt giữ.

Qua điều tra xác định: trong giai đoạn Hoàng Ngọc G chưa là Viện trưởng Viện PLD (từ ngày 27/12/2005 đến 20/5/2009) và giai đoạn Hoàng Ngọc G được ủy quyền và khi được bổ nhiệm Viện trưởng Viện PLD (từ ngày 20/5/2009 đến ngày bị phát hiện bắt giữ), mọi hoạt động của Trung tâm PLD (sau này là Viện PLD) đều do Hoàng Ngọc G trực tiếp thực hiện hoặc trực tiếp chỉ đạo thực hiện, cụ thể: Giao là người tìm kiếm thông tin về các dự án, đề tài, liên hệ với các đơn vị tài trợ để xin kinh phí tài trợ đồng thời mời các chuyên gia, cộng tác viên của Viện PLD theo từng lĩnh vực dự hợp để thống nhất các hoạt động theo yêu cầu của đơn vị tài trợ. Sau đó, Hoàng Ngọc G tổng hợp các nội dung, hoạt động cần triển khai của dự án và giao cho kế toán xây dựng bảng đề nghị kinh phí tài trợ cho dự án đó. Khi nhận được tiền từ các đơn vị tài trợ, Hoàng Ngọc G ký các chứng từ để kế toán đi rút tiền mặt về thực hiện các công việc, hoạt động theo yêu cầu của các tổ chức trong và ngoài nước.

Để nhận tiền tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước, Viện PLD đã mở tổng cộng 16 tài khoản mang tên Viện PLD gồm:

- (1) Ngân hàng Agribank: Tài khoản số 1400.206.005.957
- (2) Ngân hàng Agribank: Tài khoản số 1400.206.005.936
- (3) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.4001570
- (4) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.4001440
- (5) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0101194
- (6) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0169710
- (7) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0139898
- (8) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0119041
- (9) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0011127
- (10) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.0100731
- (11) Ngân hàng MSB: Tài khoản số 030.01.01.7888207
- (12) Ngân hàng Đông Á: Tài khoản số 005640670001
- (13) Ngân hàng Đông Á: Tài khoản số 005640670002

(14) Ngân hàng Đông Á: Tài khoản số 005640670003

(15) Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa: Tài khoản số 3713.0

(16) Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa: Tài khoản số 3713.1

Từ ngày 12/9/2009 đến ngày 23/3/2016 (thời điểm Hoàng Ngọc G giữ chức vụ Viện trưởng và quyền Viện trưởng Viện PLD), Viện PLD đã nhận số tiền 14.964.374.640 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm sáu mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) thông qua 13/16 tài khoản nêu trên để triển khai thực hiện 21 dự án, đề tài theo yêu cầu của các tổ chức trong và ngoài nước (1) Đại sứ quán Mỹ: 03 dự án; (2) Quỹ Châu Á (The Asia Foundation): 04 dự án; (3) Ngân hàng Thế giới (World Bank): 02 dự án; (4) Tổ chức hợp tác Quốc tế Đức (tổ chức GIZ): 02 dự án; (5) Quỹ hỗ trợ sáng kiến tư pháp (Quỹ JIFF): 02 dự án; (6) Tổ chức Oxfam: 02 dự án; (7) Tổ chức CRS: 02 dự án; (8) Quỹ PARAFF: 01 dự án; (9) Quỹ ACTIONAID: 01 dự án; (10) Quỹ UNAIDS: 01 dự án; (11) Viện nghiên cứu lập pháp – Ủy ban thường vụ Quốc Hội: 01 dự án), cụ thể :

- Năm 2009 (từ ngày 12/9/2009) nhận: 162.060.056 đồng.

- Năm 2010 nhận: 2.558.639.134 đồng.

- Năm 2011 nhận: 2.564.929.252 đồng.

- Năm 2012 nhận: 2.229.243.685 đồng.

- Năm 2013 nhận: 1.413.157.681 đồng.

- Năm 2014 nhận: 1.909.866.680 đồng.

- Năm 2015 nhận: 3.691.965.422 đồng.

- Năm 2016 (đến ngày 23/3/2016) nhận: 434.512.730 đồng

Quá trình nhận số tiền 14.964.374.640 đồng để thực hiện 21 dự án nêu trên, Viện PLD không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá.

Kết quả xác minh tại Cục Thuế thành phố Hà Nội, kết quả:

(1) Từ năm 2006 đến năm 2011: Viện PLD (trước đó là Trung tâm PLD) không nộp báo cáo tài chính, không nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, không nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân, không nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng.

(2) Từ năm 2012 đến nay: Viện PLD nộp tờ khai thuế GTGT, tờ khai quyết toán thuế TNDN và báo cáo tài chính. Tổng doanh thu kê khai: 313.636.364 đồng, cụ thể:

- Năm 2012, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021: không kê khai doanh thu chịu thuế TNDN.

- Năm 2013: Kê khai doanh thu chịu thuế TNDN: 313.636.364 đồng.

Xác minh tại Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) về các dự án mà Viện PLD đã thực hiện, kết quả: Từ khi thành lập cho đến nay, Viện PLD được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam phê duyệt 02 dự án:

(1) Dự án “Kết nối cựu học giả, sinh viên ngành luật và xây dựng văn phòng thực hành luật cho người yếu thế” do Đại sứ quán Mỹ tài trợ;

(2) Dự án “Quy trình ban hành Quyết định hành chính theo hướng minh bạch trên địa bàn các quận thành phố Hà Nội” do Quỹ Actionaid tài trợ.

Tại Bản kết luận giám định ngày 16/12/2022 của Giám định viên Cục Thuế thành phố Hà Nội (theo Quyết định cử giám định viên số 62515/QĐ-CTHN của Cục Thuế thành phố Hà Nội), kết luận:

“(1) Hành vi không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; Không xuất hóa đơn đối với số tiền 14.964.374.640 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm sáu mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) nhận được từ các tổ chức trong và ngoài nước theo các thỏa thuận, hợp đồng để khi thực hiện dịch vụ, công việc tại Việt Nam theo yêu cầu của các tổ chức trong, ngoài nước là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 108 Luật Quản lý Thuế năm 2006.

(2) Số thuế trốn tương ứng với số tiền 14.964.374.640 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm sáu mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) là 1.496.437.464 đồng (có bảng tính kèm theo), bao gồm:

+ 748.218.732 đồng thuế GTGT ($50\% \times 10\%$ hoặc 5% tính trên tổng số tiền 14.964.374.640 đồng mà Viện PLD nhận được);

+ 748.218.732 đồng thuế TNDN (5% tính trên tổng số tiền 14.964.374.640 đồng mà Viện PLD nhận được).”

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hoàng Ngọc G khai nhận năm 2005 khi còn là Phó Giám đốc Trung tâm LERES trực thuộc trường Đại học Quốc gia, Hoàng Ngọc G có ý định thành lập một tổ chức phi chính phủ để thực hiện việc nghiên cứu, tư vấn chính sách và pháp luật. Do đang là cán bộ Nhà nước, không thể là người đại diện theo pháp luật của tổ chức nên ngày 27/12/2005 Hoàng Ngọc G đã thành lập Trung tâm PLD và mời ông Hoàng Nguyên B làm Giám đốc của Trung tâm. Năm 2007, do muốn nâng tầm của Trung tâm PLD lên thành quy mô cấp Viện mà theo quy định Viện trưởng phải có học hàm Tiến sĩ nên Hoàng Ngọc G đã làm thủ tục đề nghị Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) đổi tên thành Viện PLD và mời ông Đỗ Ngọc Q làm Viện trưởng Viện PLD. Trong thời gian từ ngày 27/12/2005 đến 25/12/2011, mặc dù không phải là Viện trưởng Viện PLD nhưng mọi hoạt động của Viện PLD đều do Hoàng Ngọc G trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện. Từ ngày 25/12/2011, Hoàng Ngọc G chính thức là Viện trưởng và điều hành các công việc của Viện PLD. Hoàng Ngọc G khai nhận việc đã nhận tiền của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện 21 dự án nêu trên. Sau khi hoàn thành các dự án, đề tài trên, Hoàng Ngọc G tổng hợp thành tệp tin dạng word và gửi cho các tổ chức trong và ngoài nước bằng email hoanggia@luathoanggia.vn đồng thời lưu giữ các tệp tin này trong máy tính để ở văn phòng, do Viện PLD nhiều lần chuyển trụ sở nên đã thất lạc máy tính này. Từ

năm 2017 đến nay, Viện PLD đã dừng việc nhận tiền của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đề tài. Về việc nộp thuế, ban đầu bị cáo Giao khai Viện PLD được thành lập và hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ, là một tổ chức phi lợi nhuận, số tiền Viện PLD nhận được từ các tổ chức trong và ngoài nước không phải là doanh thu nên không có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Về thuế giá trị gia tăng, Viện PLD không xuất hóa đơn cho các tổ chức tài trợ do các đơn vị này không yêu cầu xuất hóa đơn. Sau đó, bị cáo Hoàng Ngọc G khai mặc dù là nhà nghiên cứu khoa học nhưng không nắm vững các quy định của pháp luật về thuế.

Đối với ông Hoàng Nguyên B, quá trình điều tra xác định từ ngày 27/12/2005 đến ngày 18/12/2007, ông Hoàng Nguyên B là Giám đốc Trung tâm. Thời gian này không có hành vi trốn thuế nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Đỗ Ngọc Q từ ngày 18/12/2007 đến ngày 25/02/2011 làm Viện trưởng Viện PLD nhưng tháng 5/2009 đã ủy quyền cho Hoàng Ngọc G Phó Viện trưởng trực tiếp chỉ đạo điều hành các hoạt động của Viện PLD, do đó việc Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Đỗ Ngọc Q là có căn cứ.

Đối với bà Trịnh Thị N từ ngày 12/9/2009 đến ngày 25/02/2010 là kế toán của Viện PLD. Trong thời gian này, Viện PLD nhận số tiền 811.315.428 đồng, tương ứng với số tiền trốn thuế là 81.131.542 đồng. Không đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội “Trốn thuế”, quy định tại Khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trịnh Thị Ngọc đến nay đã hết thời hiệu xử lý hành chính nên Cơ quan điều tra không cập trong vụ án là có căn cứ.

Đối với bà Lê Thị Hoài T, anh Nguyễn Huy T, chị Văn Xuân Quỳnh T, chị Nguyễn Thùy D, chị Lê Thị Thu H, chị Nguyễn Thị N là cán bộ của Viện PLD qua các thời kỳ. Quá trình điều tra xác định những người này đều là những người đi làm thuê cho bị cáo Hoàng Ngọc G, thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo của bị cáo Hoàng Ngọc G, không được hưởng lợi, không liên quan đến việc kê khai, nộp thuế của Viện PLD, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử đối với các cá nhân này là có căn cứ.

Ngoài số tiền 14.964.374.640 đồng đã nêu ở trên, quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ 21/3/2006 đến ngày 31/12/2017, Viện PLD còn nhận số tiền 6.540.748.217 đồng từ các tài khoản nước ngoài. Mặc dù bị cáo Hoàng Ngọc G, bị cáo Phạm Thị Thùy D và các kế toán khai nhận đây là số tiền mà Viện PLD nhận được từ các tổ chức nước ngoài để thực hiện các dự án, đề tài khác nhưng không nhớ rõ tên của dự án, đề tài, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được đơn vị tài trợ, nội dung và số tiền nhận cụ thể của các dự án nên không có căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ.

Quá trình khám xét, ngoài 21 hồ sơ dự án đã nêu ở trên, Cơ quan điều tra còn thu được hồ sơ của 07 dự án, đề tài khác do các đơn vị tài trợ, gồm: Đại sứ quán Mỹ (01 dự án); Viện nghiên cứu lập pháp - Ủy ban thường vụ Quốc hội (02 dự án);

Văn phòng luật sư NHQuang (01 dự án); Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội (01 dự án); Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Quỹ NAFOSTER) - Bộ Khoa học Công nghệ (01 dự án); Hiệp hội luật sư Hoa Kỳ (ABA ROLI) (01 dự án). Hoàng Ngọc G và Phạm Thị Thùy D khai các dự án, đề tài trên đều đã hoàn thành hoặc đã được thực hiện một phần, tuy nhiên căn cứ kết quả sao kê của Ngân hàng MSB, Ngân hàng Đông Á, Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa cung cấp không xác định được cụ thể các lần chuyển tiền để thực hiện các dự án, đề tài này, vì vậy không đủ căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ.

Cáo trạng số 236/CT-VKS– P1 ngày 01/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Hoàng Ngọc G và bị cáo Phạm Thị Thùy D tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc G và bị cáo Phạm Thị Thùy D phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc G từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù tính từ ngày 16/12/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy D từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị trả lại các đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo.

- Các bị cáo công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo Hoàng Ngọc G trình bày: Do suy nghĩ Viện PLD là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận nên không phải đóng thuế. Bị cáo không vì động cơ vụ lợi. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Gia đình bị cáo có bố, mẹ là người có công với cách mạng, vợ bị cáo nguyên là cán bộ công tác trong lực lượng Công an được tặng thưởng nhiều Huy chương; Bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho xã hội trong công tác nghiên cứu, giảng dạy. Hiện bị cáo tuổi cao, sức yếu.

Bị cáo Phạm Thị Thùy D trình bày: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình làm việc bị cáo cũng có lưu ý, nhắc nhở bị cáo Hoàng Ngọc G thực hiện nghĩa vụ kê khai đóng thuế cho nhà nước, tuy nhiên bị cáo chưa tích cực thực hiện trách nhiệm của mình.

- Luật sư Nguyễn Duy Nguyên bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc G công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo về tội

danh là có căn cứ pháp luật. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo do nhận thức Viện PLD là tổ chức không phải kê khai nộp thuế; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp cho xã hội, cộng đồng. Gia đình bị cáo có công với cách mạng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

- *Về tội danh:* Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, đối chiếu với lời khai của những người liên quan, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2009 đến ngày 23/3/2016, Viện nghiên cứu, tư vấn chính sách pháp luật và phát triển (Viện PLD) không xuất hóa đơn đối với các hợp đồng dịch vụ đã thực hiện, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp đối với số tiền 14.964.374.640 đồng đã nhận của các tổ chức trong và ngoài nước qua 13/16 tài khoản mở tại Ngân hàng và kho bạc để triển khai thực hiện 21 dự án, đề tài là vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 108 Luật Quản lý Thuế năm 2006, số tiền trốn thuế tổng cộng là 1.496.437.464 đồng (gồm 748.218.732 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và 748.218.732 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp).

Bị cáo Hoàng Ngọc G là Tiến sĩ luật, giữ chức vụ Phó Viện trưởng và được ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ của Viện trưởng, sau đó là Viện trưởng người đại diện theo pháp luật của Viện nghiên cứu, tư vấn chính sách pháp luật và phát triển. Trên cương vị của mình, bị cáo Hoàng Ngọc G phải nhận thức được nghĩa vụ kê khai nộp thuế của Viện PLD đối với số tiền 14.964.374.640 đồng đã nhận của các

tổ chức trong và ngoài nước. Hành vi không kê khai nộp thuế của bị cáo Hoàng Ngọc G đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự với số tiền thuế trốn là 1.496.437.464 đồng (gồm 748.218.732 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và 748.218.732 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp).

Bị cáo Phạm Thị Thùy D là kế toán của Viện PLD từ ngày 25/2/2010. Với chức năng, nhiệm vụ của kế toán, bị cáo Phạm Thị Thùy D phải nhận thức được nghĩa vụ kê khai nộp thuế của Viện PLD đối với số tiền đã nhận của các tổ chức trong và ngoài nước. Bị cáo Phạm Thị Thùy D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Hoàng Ngọc G trốn thuế trong khoảng thời gian từ ngày 25/2/2010 đến ngày 23/3/2016 với số tiền trốn thuế là 1.415.305.921 đồng (gồm 707.652.960 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và 707.652.960 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp).

Cáo trạng số 236/CT-VKS-P1 ngày 01/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hoàng Ngọc G và bị cáo Phạm Thị Thùy D về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về hình phạt*: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo Hoàng Ngọc G là người có trình độ học vấn cao, am hiểu pháp luật, bị cáo Phạm Thị Thùy D có nghiệp vụ kế toán, nhưng các bị cáo đã không thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của nhà nước, làm thất thu ngân sách và gây thiệt hại tiền thuế của nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Hoàng Ngọc G là Viện trưởng Viện PLD nên có vai trò chính, chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Phạm Thị Thùy D là kế toán của Viện PLD.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Bị cáo Hoàng Ngọc G đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thuế trốn để khắc phục hậu quả. Bị cáo có bố, mẹ là người có công cách mạng, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, vợ bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang. Bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có vai trò chính trong vụ án, do đó cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Phạm Thị Thùy D phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo có bố là người có công cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Bằng khen; Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có đủ căn cứ để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật. Mặt khác, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách, để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về biện pháp tư pháp:

- *Về xử lý vật chứng*: Trả lại cho bị cáo Hoàng Ngọc G và bị cáo Phạm Thị Thùy D các đồ vật, tài sản bị thu giữ không liên quan đến tội phạm.

- *Về nghĩa vụ nộp số thuế trốn*: Ngày 06/7/2023 gia đình bị cáo Hoàng Ngọc G có đơn đề nghị về việc bị cáo Hoàng Ngọc G đã tác động gia đình được nộp số tiền thuế trốn để khắc phục hậu quả. Ngày 17/7/2023, đại diện gia đình của bị cáo Hoàng Ngọc G đã nộp toàn bộ số tiền thuế trốn 1.496.437.464 đồng tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo Hoàng Ngọc G đã hoàn thành nghĩa vụ nộp số tiền thuế trốn để khắc phục hậu quả.

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Thùy D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hoàng Ngọc G sinh năm 1954 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Ngọc G** và bị cáo **Phạm Thị Thùy D** phạm tội “Trốn thuế”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc G 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2022.

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy D 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/7/2023.

Giao bị cáo Phạm Thị Thùy D cho Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

2.1 Trả lại cho bị cáo Hoàng Ngọc G các tài sản, đồ vật sau:

- 01 (một) máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu LENOVO Thinkpad, mặt sau dán tem có chữ “TYPE 20FE-S1K808 S/N MP-14Y1GY 16/9” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy và tình trạng hoạt động).

- 01 (Một) quyển sách 69 trang, bìa sách màu xanh có ghi chữ “Pháp Luân Đại Pháp - Đại viên mãn Pháp”.

- 01 (một) quyển sách 323 trang, đề tên “Hạ Đình Nguyên, Hãy ngồi xuống đây, Không ai thấy được trọn cả dòng sông”.

- 01 (một) phong bì niêm phong có chữ ký của Hoàng Ngọc G, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X.

- 01 (một) phong bì niêm phong có chữ ký của Hoàng Ngọc G và Điều tra viên Trần Công, bên trong có 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu ghi xám.

- 01 (một) phong bì niêm phong có chữ ký của Hoàng Ngọc G và Điều tra viên Trần Công, bên trong có 01 USB trích xuất các dữ liệu bên trong điện thoại Iphone X của Hoàng Ngọc G.

- 01 (một) ví da màu nâu, bên trong có: 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc G; 01 thẻ luật sư mang tên Hoàng Ngọc G; 01 thẻ Giảng viên của trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng mang tên Hoàng Ngọc G; 01 thẻ thành viên của “PHUONG DONG GOLD” số 110373 mang tên Hoàng Ngọc G; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số 9704366800036730025 mang tên Hoang Ngoc Giao; 01 thẻ Visa của Ngân hàng ACB số 4200030001446241 mang tên Hoàng Ngoc Giao; 01 Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Hoàng Ngọc G.

- 01 (một) con dấu hình trụ vuông, hình dấu bên trong là hình tròn khắc chữ “Viện nghiên cứu chính sách pháp luật và phát triển”.

- 01 (một) dấu chức danh bên trong khắc chữ “Viện trưởng”.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Ngọc G số tiền 4.428.000 (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng, hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Giấy nộp tiền vào sổ tài khoản 3949.0.1052728 ngày 07/6/2023 tại Kho

bạc Nhà nước quận Hà Đông.

2.2 *Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Thùy D các tài sản, đồ vật sau:*

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Elite Book (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đỏ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2.3 *Về nghĩa vụ nộp số thuế trốn:* Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo Hoàng Ngọc G đã hoàn thành nghĩa vụ nộp số tiền thuế trốn là 1.496.437.464 (Một tỉ bốn trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi tư) đồng theo Biên lai thu tiền số 0062497 ngày 17/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị Thùy D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Ngọc G được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- CQTHAHS TP Hà Nội;
- CQTHADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2;
- UBND P. Ngọc Hà, Q. Ba Đình
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu VT, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Hiếu